TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 310/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 28 tháng 8 năm 2019
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1). Ông Đoàn Văn Quang

2). Bà Nguyễn Thị Loan

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2019/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thúy V, sinh năm xxxx (có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm xxxx (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thúy V trình bày*:

- Về hôn nhân: Năm 2006, chị và anh T quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 03 tháng 5 Năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình chồng một thời gian thì vợ chồng đi làm ở nhiều nơi, sống

không hạnh phúc do chồng cờ bạc gây nợ nhưng vợ chồng hàn gắn nên tiếp tục chung sống. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng do chị V mượn sổ hộ khẩu để chuyển sang làm công ty khác thì cha chồng không cho và xảy ra cự cải không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx và Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng, cho hai con chung là 2.000.000 đồng/tháng, đến khi hai con chung đều đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Anh Nguyễn Minh T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án nhân dân huyện G tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thúy V và anh Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G cấp giấy chứng kết hôn số 60 ngày 03 tháng 5 Năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh T cờ bạc gây nợ nhưng vợ chồng hàn gắn nên tiếp tục chung sống, đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do việc chị mượn sổ hộ khẩu để chuyển sang làm việc cho công ty khác nên xảy ra cự cãi với cha chồng không hàn gắn được. Nay tình cảm không còn nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc chị V xin ly hôn nhưng anh vẫn không có ý kiến mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không phản đối những nội dung mà chị V đưa ra nên lời trình bày của chị V là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.2] Về con chung: Chị V khai vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx và Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho mỗi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng, cho hai con chung là 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đều đủ 18 tuổi

Xét yêu cầu của chị V về người trực tiếp nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung và nhu cầu thiết cho việc nuôi con chung, anh T hiện cũng có việc làm ổn định nên yêu cầu của chị V là phù hợp các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Chị V nộp án phí ly hôn theo quy định. Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Thúy V và anh Nguyễn Minh T

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx và Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx cho chị Võ Thị Thúy V được tiếp tục nuôi dưỡng

- Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Ngọc Nhã T hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng cho mỗi con chung, cấp dưỡng cho cả hai con chung hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Chị Võ Thị Thúy V nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 46755 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị V đã nộp đủ án phí

Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
-UBND xã T, huyện Gò Công Đông;
-Các đương sự
- Lưu hs.av

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ